

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 5 – 2020

V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm Sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2020 và [Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2020](#), giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thúy L, sinh năm 1990, có mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Minh L, sinh năm 1987, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 582/15, Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2010, chị Hồ Thị Thúy L và anh Võ Minh L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, ngày 15/7/2013. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Võ Tuyền Như Y, sinh ngày 19/6/2011 và Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 22/10/2014, hiện đang sống với anh L.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, theo chị L trình bày: Do vợ chồng không cùng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi nhau, nên vợ chồng đã chia tay và sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được.

Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Võ Minh L.
- Về con chung: Chị đồng ý giao hai người con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Minh L không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Thúy L.

*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Minh L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị Hồ Thị Thúy L và anh Võ Minh L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh L có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không còn tình cảm, không hạnh phúc, do thường xuyên cãi nhau, **nên đã chia tay và sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay**, đến thời điểm này, cả chị L và anh L cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] **Về con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh L có 02 người con chung là Võ Tuyền Như Y, sinh ngày 19/6/2011 và Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 22/10/2014, hiện đang sống với anh L.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, hai người con chung này từ nhỏ đã được người cha chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cháu Như Ý có nguyện vọng sống chung với cha, người mẹ cũng đồng ý giao hai người con chung cho người cha nuôi dưỡng, cho nên phải giao cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người cha nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L, giao hai cháu Võ Tuyền Như Y và Võ Ngọc Như Q cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Danh quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này cho chị L, không ai được ngăn cản.

[7] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh L đối với chị L.

[8] **Về tài sản chung và nợ chung:** Đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thúy L được ly hôn với anh Võ Minh L.

2) Về con chung: Giao cho anh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Võ Tuyên Như Y, sinh ngày 19/6/2011 (theo như nguyện vọng của cháu) và Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 22/10/2014, đến tuổi trưởng thành; Chị L được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh L đối với chị L.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001029, ngày 04/12/2019, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng